

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Năm

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lưu Xuân Giới

2. Ông Trần Văn Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều** tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tập - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST-DS ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Đàm Thị P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn H, xã T, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

\* Bị đơn: Anh Trần Văn T.

Địa chỉ: thôn H, xã T, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. vắng mặt tại phiên toà.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Đàm Thị P trình bày:*

*Về tình trạng hôn nhân:* Chị Đàm Thị P và Anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đông Triều vào ngày 28/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị P, anh T sống tại thôn H, xã T, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống hạnh phúc bình

thường. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015, vợ chồng thường xuyên mắng cãi nhau; hai bên bất đồng quan điểm về các vấn đề trong cuộc sống, không thông cảm, yêu thương nhau. Nguyên nhân do anh T thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con. Tuy đã được hai bên gia đình động viên hoà giải nhưng mâu thuẫn giữa chị P và anh T vẫn trầm trọng. Hai đương sự đã sống ly thân từ 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị P xác định không còn tình cảm với anh T, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị P và anh T có hai con chung là Trần Hải N, sinh ngày 27/9/2011 và Trần Nguyễn V, sinh ngày 08/3/2017. Chị P đề nghị được trực tiếp nuôi hai con chung Trần Hải N và Trần Nguyễn V kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Chị P khẳng định đủ điều kiện để nuôi hai con chung vì chị có công việc ổn định, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng; mặt khác hai con chung được ở cùng nhau để bù đắp tình cảm, hỗ trợ giúp đỡ nhau.

Về việc cấp dưỡng: Chị P không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và khoản nợ chung:* Chị P xác định có tài sản chung và nợ chung nhưng chị xin tự thỏa thuận với anh T, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bị đơn: Bị đơn không gửi tòa án bản tự khai, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa.

Tại biên bản xác minh và biên bản làm việc cùng ngày 20/3/2023, đại diện chính quyền địa phương, trưởng thôn H, xã T xác nhận: chị Nguyễn Thị P và Anh Trần Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn và về chung sống tại thôn H; trong quá tình chung sống giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân từ 2022, chị P đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại QY để sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên rượu chè dẫn đến nóng nảy đánh mắng chị P. Chị P vẫn thường xuyên về chăm nuôi con nhỏ. Anh T tuy vẫn đăng ký thường trú tại thôn H nhưng thường xuyên vắng nhà. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ và quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo nguyện vọng của nguyên đơn. Về việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án căn cứ yêu cầu của các đương sự và nguyện vọng của các con chung để giải quyết.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh T không trình bày quan điểm gửi Tòa án; không tham gia các phiên hòa giải; các bên không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không trình bày quan điểm gửi Tòa án, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ; không tham gia hòa giải; không tham dự phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của Chị Đàm Thị P với Anh Trần Văn T; Chị Đàm Thị P được ly hôn Trần Văn T; giao hai con chung Trần Hải N, sinh ngày 27/9/2011 và Trần Nguyễn V, sinh ngày 08/3/2017 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Theo đơn khởi kiện của Chị Đàm Thị P nộp tại Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đàm Thị P và Anh Trần Văn T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã Đông Triều năm 2011. Quan hệ hôn nhân của hai đương sự là tự nguyện được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị P và anh T sống hạnh phúc bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015; hai đương sự thường mắng, cãi nhau; bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ham rượu chè, vô cớ đánh mắng chị P.

Nay chị P xác định không còn tình cảm với anh T và xin ly hôn anh T. Anh T, tuy đã nhận được thông báo thụ lý vụ án; thông báo việc công khai chứng cứ và Hòa giải nhưng anh T không trình bày quan điểm, không tham gia hòa giải, không tham dự phiên tòa thể hiện anh T không phản đối quan điểm yêu cầu xin ly hôn của chị P.

Qua nội dung vụ án được tóm tắt như trên, có cơ sở đánh giá mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung:** Chị Đàm Thị P và Anh Trần Văn T có hai con chung Trần Hải N, sinh ngày 27/9/2011 và Trần Nguyễn V, sinh ngày 08/3/2017; tuy các cháu đang ở cùng anh T và ông bà nội nhưng anh T thường xuyên bỏ nhà đi vắng, không quan tâm đến các con. Chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Trần Hải N, sinh ngày 27/9/2011 và Trần Nguyễn V, sinh ngày 08/3/2017. Chị P khẳng định đủ điều kiện nuôi con vì chị đi làm công nhân có thu nhập 10 triệu/ tháng, hai con chung đều là nam giới tuổi sần sần nhau nếu được ở chung sẽ bù đắp tình cảm. Khi được hỏi về nguyện vọng cháu Trần Hải N mong muốn được ở với mẹ. Anh T không có quan điểm về việc nuôi con chung.

Như vậy, yêu cầu của chị P phù hợp với nguyện vọng của trẻ, anh T biết yêu cầu của chị P nhưng không có quan điểm phản đối hay mong muốn nhận nuôi con, thể hiện anh T thiếu trách nhiệm với các con. Về điều kiện nuôi con chung, chị P đủ điều kiện nuôi con chung. Vì sự phát triển toàn diện của con chung, trên cơ sở xem xét khách quan điều kiện thực tế của các đương sự, Hội đồng xét xử giao hai con chung Trần Hải N, sinh ngày 27/9/2011 và Trần Nguyễn V, sinh ngày 08/3/2017 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**[2.3] Về tài sản và khoản nợ chung:** Chị P xác định có tài sản chung và nợ chung, nhưng tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí và quyền kháng cáo:** Chị Đàm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 ; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, trực tiếp nuôi dưỡng con chung của Chị Đàm Thị P đối với Anh Trần Văn T.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị P được ly hôn Anh Trần Văn T.
2. Về con chung:

Giao hai con chung Trần Hải N, sinh ngày 27/9/2011 và Trần Nguyễn V, sinh ngày 08/3/2017 cho Chị Đàm Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về cấp dưỡng: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Chị Đàm Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009913 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đàm Thị P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Anh Trần Văn T vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX. Đông Triều;
- Chi cục THADS TX. Đông Triều;
- UBND phường xã T, TX. Đông Triều  
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Năm**